

## TIẾT 108

# LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Yêu cầu cần đạt

- Củng cố kiến thức về các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.
- Củng cố các kiến thức: Tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp toán học: Tự tin trình bày, Diễn đạt (nói, viết, kí hiệu, vẽ hình) đúng các khái niệm, quan hệ hình học đã học.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Chỉ ra chứng cứ, lí lẽ để kết luận đúng các quan hệ giữa ba điểm, hai đường thẳng, tia. Sử dụng kiến thức điểm nằm giữa hai điểm để lập luận, tính toán độ dài đoạn thẳng trong bài toán thực tế.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp vẽ hình theo yêu cầu.

### 3. Phẩm chất

Rèn luyện ý thức tìm tòi, khám phá, ý thức làm việc nhóm. Bồi dưỡng niềm đam mê khoa học, ý thức tự học, tính sáng tạo.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Các dụng cụ vẽ hình: thước, compa, ê ke.

2. Chuẩn bị của HS: Các dụng cụ vẽ hình: thước, compa, ê ke.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (8 phút)

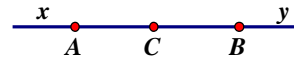
a) **Mục tiêu:** Giúp HS tái hiện lại kiến thức điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau; tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

b) **Nội dung:**

1) Quan sát hình vẽ, điền từ thích hợp vào chỗ trống

a) Trong 3 điểm A, B, C, điểm ... (1) ... nằm giữa hai điểm còn lại.

b) Hai điểm ... (2) ... nằm cùng phía so với điểm B. Điểm ... (3) ... và điểm ... (4) ... nằm khác phía so với điểm C.



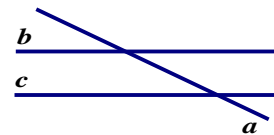
c) Các tia gốc A là: ... (5) ...

Tia đối của tia CB là: ... (6) ...

d) Trên hình vẽ có ... (7) ... đoạn thẳng, đó là: ... (8) ...

e) Nếu C là trung điểm của đoạn thẳng AB thì ... (9) ...

2) Cho hình vẽ. Hãy chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau.



c) **Sản phẩm:**

a	b	c	d	e
(1) C.	(2) A và C; (3) A; (4) B.	(5) Ax, Ay; (6) CA (hoặc Cx).	(7) 3; (8) AC, AB, CB.	$CA = CB = \frac{AB}{2}$ .

2) Các cặp đường thẳng song song: b và c; các cặp đường thẳng cắt nhau: a và b, a và c.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu đề bài tập, yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời. GV sử dụng hiệu ứng cho ra kết quả lần lượt.	HS lần lượt trả lời, nhận xét, chia sẻ.

**Hoạt động 2: VÍ DỤ (12 phút)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức về điểm nằm giữa hai điểm, điểm nằm cùng phía, khác phía đối với một điểm. Tính độ dài đoạn thẳng. Sử dụng dụng cụ vẽ hình theo yêu cầu.

**b) Nội dung:** Ví dụ (SGK tr.57).

**c) Sản phẩm:**



a) Những cặp điểm nằm cùng phía đối với điểm M là: B và C; B và N; C và N.

b) Điểm C nằm giữa hai điểm của các cặp điểm: A và B; A và N; M và N; M và B.

c) C là mút chung của các đoạn thẳng: CN và CB, CM và CA.

d) Tia đối của tia CN là tia CM (hay CA).

e) Vì M là trung điểm của đoạn thẳng AC nên:  $AC = 2AM = 2 \cdot 1 = 2$  (cm).

Theo hình vẽ, ta có:  $AB = AC + CB$ , suy ra:  $CB = AB - AC = 6 - 2 = 4$  (cm).

Vì N là trung điểm của đoạn thẳng CB nên:  $NB = CB : 2 = 4 : 2 = 2$  (cm).

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung ví dụ, yêu cầu HS đọc. Mời 1 HS lên bảng vẽ hình. Cho HS trả lời lần lượt từng câu hỏi, GV ghi nhanh bảng lời giải, kết hợp nhắc lại kiến thức liên quan. Ý d), GV cho HS nhắc lại khái niệm trung điểm của đoạn thẳng. Cho HS lên bảng tính toán, trình bày. Nhận xét, chốt kiến thức.	HS đọc yêu cầu. HS vẽ hình. HS trả lời lần lượt a, b, c, d. HS thực hiện ý d), 1 em lên bảng làm, HS dưới lớp nhận xét.

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (18 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS vẽ được hình theo mô tả, liệt kê được các đường thẳng, tia, đoạn thẳng trong hình vẽ theo yêu cầu. Xác định một điểm thuộc, không thuộc đường thẳng, tia. Tính được độ dài đoạn thẳng.

b) Nội dung: Bài tập 8.19; 8.20 (SGK tr.57).

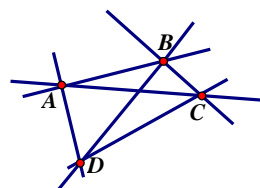
c) Sản phẩm:

– Bài tập 8.19:

a) Có 6 đường thẳng:  $AB, AC, AD, BC, BD, CD$ .

b) Có 12 tia:  $AB, AC, AD, BA, BC, BD, CA, CB, CD, DA, DB, DC$ .

c) Có 6 đoạn thẳng:  $AB, AC, AD, BC, BD, CD$ .

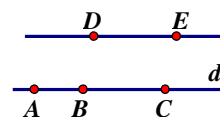
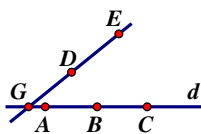
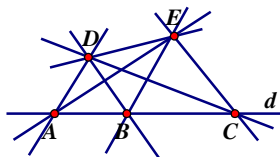


– Bài tập 8.20:

a) Có 8 đường thẳng:  $AB, AD, AE, BD, BE, CD, CE, DE$ .

b) Vẽ đường thẳng  $DE$ . Nếu đường thẳng  $DE$  cắt  $d$  tại một điểm thì đó là điểm  $G$  cần tìm.

Nếu đường thẳng  $DE$  song song với  $d$  thì không tìm được điểm  $G$  thoả mãn yêu cầu bài toán.



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu nội dung đề Bài tập 8.19, yêu cầu HS thực hiện cá nhân.</p> <p>Gợi ý: Vẽ 4 điểm phân biệt theo yêu cầu, vẽ các đường thẳng đi qua các cặp điểm.</p> <p>Cho HS thực hiện lần lượt từng ý, sau mỗi ý cho HS nhận xét, chia sẻ. GV kết luận.</p> <p>– Bài tập 8.20 cho HS thực hiện cá nhân ý a).</p> <p>Hướng dẫn chung cả lớp thực hiện ý b).</p> <p>Ý b) hướng dẫn HS kéo dài <math>DE</math>, cắt <math>d</math> tại đâu thì đó là điểm <math>G</math> cần tìm.</p> <p>Hướng dẫn HS suy luận rút ra được nếu <math>DE</math> không cắt <math>d</math> (<math>DE \parallel d</math>) thì không tìm được điểm <math>G</math>.</p>	<p>HS đọc đề bài thực hiện cá nhân.</p> <p>1 HS lên bảng vẽ hình.</p> <p>HS liệt kê đường thẳng, tia, đoạn thẳng theo yêu cầu.</p> <p>1 HS lên bảng vẽ hình, HS dưới lớp cùng thực hiện.</p> <p>HS liệt kê các đường thẳng.</p> <p>HS thực hiện vẽ hình theo hướng dẫn của GV.</p>

#### Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức cộng đoạn thẳng để giải quyết bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** Một cái cây đang mọc thẳng thì bị bão làm gãy phần ngọn. Người ta đo được phần ngọn bị gãy dài 1,75 m và phần thân còn lại dài 3 m. Hỏi trước khi bị gãy, cây cao bao nhiêu mét?

**c) Sản phẩm:** Trước khi gãy, chiều cao của cây là:  $3 + 1,75 = 4,75$  (m).

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS trả lời nhanh bài tập.	HS đọc, trả lời nhanh.
GV nhận xét, ghi lại lời giải trên bảng.	HS lớp nhận xét.
Tổng hợp lại các dạng bài tập đã làm.	

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn kiến thức về trung điểm của đoạn thẳng.

– Làm bài tập: 8.22; 8.23 (SGK tr.57).

## TIẾT 109

### LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Yêu cầu cần đạt

Củng cố các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

##### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS tự tin trình bày kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp lẫn nhau thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Sử dụng kiến thức về quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng để lập luận, tính độ dài đoạn thẳng.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp vẽ hình theo yêu cầu.

##### 3. Phẩm chất

Bồi dưỡng niềm đam mê khoa học, ý thức tự học, tính sáng tạo.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

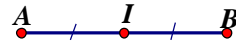
- Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu. Phiếu học tập. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, ê ke.
- Chuẩn bị của HS:** Các dụng cụ vẽ hình: thước, ê ke.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (7 phút)

- Mục tiêu:** Giúp HS tái hiện lại kiến thức trung điểm của đoạn thẳng.
- Nội dung:** Cho đoạn thẳng  $AB$ ,  $I$  là trung điểm của  $AB$ . Biết  $AI = 4$  cm. Tính  $AB$ .
- Sản phẩm:** Vì  $I$  là trung điểm của  $AB$  nên:

$$AB = 2AI = 2 \cdot 4 = 8 \text{ (cm)}.$$



#### d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu đề bài tập, yêu cầu HS thực hiện cá nhân. GV nhận xét.	HS lên bảng thực hiện. HS lớp nhận xét, chia sẻ.

### Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (28 phút)

- Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức về trung điểm của đoạn thẳng. Tính độ dài đoạn thẳng. Sử dụng dụng cụ vẽ hình theo yêu cầu.
- Nội dung:** Bài tập 8.21; 8.22; 8.23 (SGK tr.57).
- Sản phẩm:**

– Bài tập 8.21:

a)  $MN = MO + ON = 5 + 7 = 12$  (cm).

b)  $MK = MN : 2 = 12 : 2 = 6$  (cm);

$OK = MK - MO = 6 - 5 = 1$  (cm).

c) Điểm  $K$  thuộc tia  $ON$ .

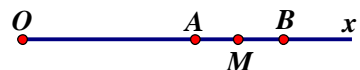
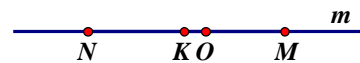
– Bài tập 8.22: Vì  $OB = OA + AB$  nên

$$AB = OB - OA = 6 - 4 = 2 \text{ (cm)}.$$

Vì  $M$  là trung điểm của  $AB$  nên:

$$AM = AB : 2 = 2 : 2 = 1 \text{ (cm)};$$

$$OM = OA + AM = 4 + 1 = 5 \text{ (cm)}.$$



– Bài tập 8.23: Các bộ ba điểm thẳng hàng là:  $A, B, C$ ;  $A, B, N$ ;  $A, C, N$ ;  $B, C, N$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Bài tập 8.21: Cho HS thực hiện theo cặp. GV trợ giúp HS nếu cần. Gợi ý: Sử dụng phép cộng đoạn thẳng thực hiện ý a), tính chất về trung điểm của đoạn thẳng để giải quyết ý b). GV chụp bài của một số nhóm HS cho các lớp quan sát và nhận xét. GV nhận xét, sửa bài cho HS.	HS thực hiện theo cặp đôi.  HS quan sát, nhận xét, chia sẻ giữa các nhóm.
– Bài tập 8.22: Chiều nội dung đề bài yêu cầu HS thực hiện cá nhân. GV trợ giúp nếu cần. GV nhận xét, chốt lại kiến thức về phép cộng trừ đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng.	HS đọc yêu cầu. 1 HS lên bảng thực hiện. HS dưới lớp thực hiện, nhận xét bài của bạn.
– Chiều hình vẽ Bài tập 8.23. Yêu cầu HS liệt kê các bộ 3 điểm thẳng hàng.	HS quan sát, trả lời lần lượt.

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (8 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS sử dụng được kiến thức trung điểm của đoạn thẳng để tính độ dài đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** Bài tập: Cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B. I là trung điểm của đoạn BC. Tính độ dài đoạn thẳng AB, biết rằng  $AC = 5\text{cm}$ ,  $CI = 7\text{cm}$ .

**c) Sản phẩm:**

Vì I là trung điểm của BC nên:  $IB = CI = 7\text{cm}$ ;  
 $AB = AC + CI + IB = 5 + 7 + 7 = 19\text{ (cm)}$ .



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS hoạt động theo nhóm.  Yêu cầu các nhóm nộp sản phẩm, đại diện nhóm lên trình bày. GV quan sát, hỗ trợ nếu cần. HS có thể có cách trình bày khác:	HS thảo luận theo nhóm, vẽ hình, trình bày lời giải. HS các nhóm trình bày sản phẩm, báo cáo, các nhóm khác chia sẻ.

I là trung điểm của BC nên:  $BC = 2CI = 14$  (cm);  
 $AB = AC + BC = 19$  (cm).

GV nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

Chốt lại các dạng bài tập đã chữa.

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Làm bài tập: 8.24 (SGK tr.57).
- Đọc trước Bài 36. Góc.